



Bàn về Đơn Tử (1714)

Lý thuyết siêu hình về vô số đơn tử (monads) vô hạn của triết gia người Đức Gottfried Wilhelm Leibniz.

In xuất ngày 24 tháng 12, 2024

CosmicPhilosophy.org
Khám Phá Vũ Trụ Thông Qua Triết Học

Mục Lục

1. Giới thiệu

2. Bàn về đơn tử

2.1. § 1

2.2. § 2

2.3. § 3

2.4. § 4

2.5. § 5

2.6. § 6

2.7. § 7

2.8. § 8

2.9. § 9

2.10. § 10

2.11. § 11

2.12. § 12

2.13. § 13

2.14. § 14

2.15. § 15

2.16. § 16

2.17. § 17

2.18. § 18

2.19. § 19

2.20. § 20

2.21. § 21

2.22. § 22

2.23. § 23

2.24. § 24

2.25. § 25

2.26. § 26

2.27. § 27

2.28. § 28

2.29. § 29

2.30. § 30

2.31. § 31

2.32. § 32

2.33. § 33

2.34. § 34

2.35. § 35

2.36. § 36

2.37. § 37

2.38. § 38

2.39. § 39

2.40. § 40

2.41. § 41

2.42. § 42

2.43. § 43

2.44. § 44

2.45. § 45

2.46. § 46

2.47. § 47

2.48. § 48

2.49. § 49

2.50. § 50

2.51. § 51

2.52. § 52

2.53. § 53

2.54. § 54

2.55. § 55

2.56. § 56

2.57. § 57

2.58. § 58

2.59. § 59

2.60. § 60

2.61. § 61

2.62. § 62

2.63. § 63

2.64. § 64

2.65. § 65

2.66. § 66

2.67. § 67

2.68. § 68

2.69. § 69

2.70. § 70

2.71. § 71

2.72. § 72

2.73. § 73

2.74. § 74

2.75. § 75

2.76. § 76

2.77. § 77

2.78. § 78

2.79. § 79

2.80. § 80

2.81. § 81

2.82. § 82

2.83. § 83

2.84. § 84

2.85. § 85

2.86. § 86

2.87. § 87

2.88. § 88

2.89. § 89

2.90. § 90

Giới thiệu

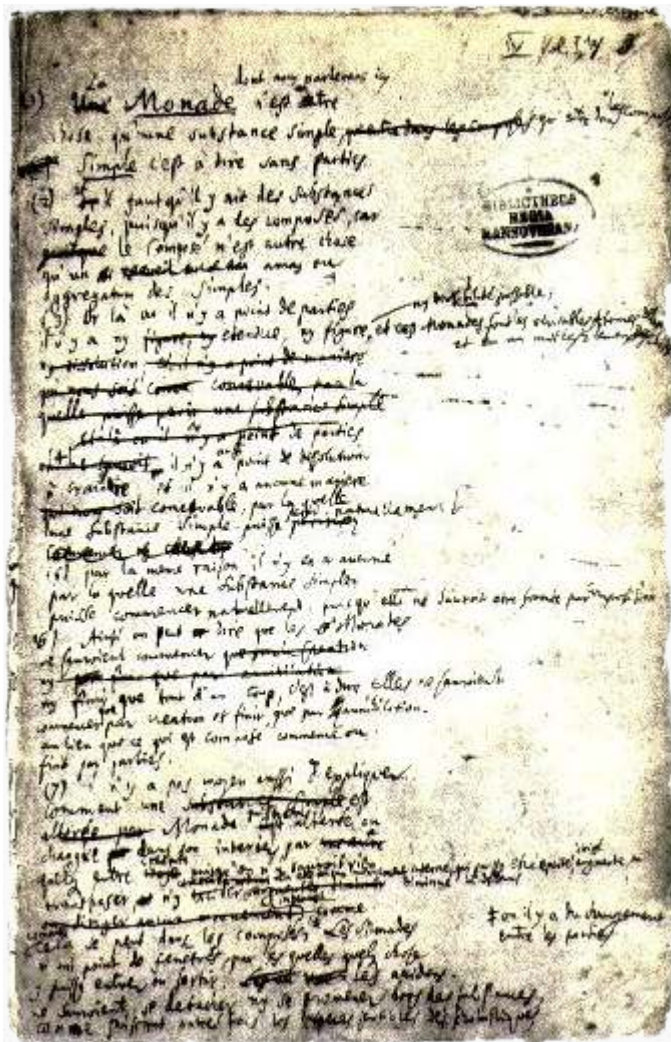
Bài luận Monadology (1714) của Gottfried Wilhelm Leibniz

Vào năm 1714, nhà triết học Đức Gottfried Wilhelm Leibniz - thiên tài toàn năng cuối cùng của thế giới - đã đề xuất lý thuyết về vô hạn monad mà, dù có vẻ xa rời thực tế vật lý và mâu thuẫn với chủ nghĩa hiện thực khoa học hiện đại, đã được xem xét lại dưới ánh sáng của những phát triển trong vật lý học hiện đại và đặc biệt là tính phi cục bộ.

Leibniz lại chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nhà triết học Hy Lạp Plato và triết học vũ trụ Hy Lạp cổ đại. Lý thuyết monad của ông có sự tương đồng đáng chú ý với cõi Ý niệm của Plato như được mô tả trong Ấn dụ Hang động nổi tiếng của Plato.

Monadology (tiếng Pháp: La Monadologie, 1714) là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất về triết học hậu kỳ của Leibniz. Đây là một văn bản ngắn trình bày, trong khoảng 90 đoạn, một siêu hình học về những bản thể đơn giản, hay vô hạn monad.

Trong thời gian lưu trú cuối cùng tại Vienna từ năm 1712 đến tháng 9 năm 1714, Leibniz đã viết hai văn bản ngắn bằng tiếng Pháp nhằm trình bày súc tích triết học của ông. Sau khi ông mất, *Principes de la nature et de la grâce fondés en raison*, được viết cho hoàng tử Eugene xứ Savoy, đã xuất hiện bằng tiếng Pháp tại Hà Lan. Nhà triết học Christian Wolff và các cộng sự đã xuất bản bản dịch tiếng Đức và Latin của văn bản thứ hai, sau này được biết đến với tên gọi *Monadology*.



CHƯƠNG 2.

Bàn về đơn tử

Tác giả Gottfried Wilhelm Leibniz, 1714

Principia philosophiæ seu theses in gratiam principis Eu-genii conscriptæ

§ 1

Đơn tử mà chúng ta sẽ bàn ở đây không gì khác hơn là một bản thể *đơn giản*, là thành tố của các phức thể; đơn giản, nghĩa là không có các bộ phận (*Théod.*, § 10⁴).

§ 2

Và phải có các bản thể đơn giản, bởi vì có các phức thể; vì phức thể không gì khác hơn là một tập hợp hay *aggregatum* của các đơn giản.

§ 3

Ở đâu không có các bộ phận, thì ở đó không có độ rộng, không có hình dạng, không có khả năng phân chia. Và những Đơn tử này là những Nguyên tử đích thực của Tự nhiên và nói tóm lại là những yếu tố của vạn vật.

§ 4

Cũng không có sự tan rã nào cần phải lo ngại, và không có cách nào có thể hình dung được để một thực thể đơn giản có thể tự nhiên biến mất (§ 89).

§ 5

Cũng với lý do đó không có cách nào để một bản thể đơn giản có thể tự nhiên bắt đầu, vì nó không thể được hình thành bằng cách kết hợp.

§ 6

Do đó có thể nói rằng các Đơn tử không thể bắt đầu hay kết thúc, trừ phi đột ngột, nghĩa là, chúng chỉ có thể bắt đầu bằng sự sáng tạo và kết thúc bằng sự hủy diệt; trong khi đó, cái gì là phức hợp thì bắt đầu hay kết thúc từng phần.

§ 7

Cũng không có cách nào để giải thích làm sao một Đơn tử có thể bị biến đổi hay thay đổi trong nội tại bởi bất kỳ tạo vật nào khác; bởi vì không thể chuyển dịch bất cứ thứ gì trong

nó, cũng không thể hình dung trong nó bất kỳ chuyển động nội tại nào có thể được kích thích, điều khiển, tăng lên hay giảm đi; như điều đó có thể xảy ra trong các phức thể, nơi có những thay đổi giữa các bộ phận. Các Đơn tử không có cửa sổ để cho bất cứ thứ gì có thể đi vào hay đi ra. Các thuộc tính không thể tách rời hay di chuyển ra khỏi các bản thể, như trước đây các loại khả giác của các nhà Kinh viện đã làm. Do đó, không có bản thể hay thuộc tính nào có thể đi vào một Đơn tử từ bên ngoài.

§ 8

Tuy nhiên, các Đơn tử phải có một số phẩm tính, nếu không chúng thậm chí không phải là những hữu thể. Và nếu các bản thể đơn giản không khác nhau về phẩm tính của chúng, sẽ không có cách nào để nhận thấy bất kỳ sự thay đổi nào trong vạn vật; bởi vì cái gì có trong phức thể chỉ có thể đến từ những thành phần đơn giản; và nếu các Đơn tử không có phẩm tính, chúng sẽ không thể phân biệt được với nhau, vì chúng cũng không khác nhau về lượng: và do đó, giả định có sự đầy đặc, mỗi vị trí trong chuyển động sẽ luôn chỉ nhận được cái tương đương với cái nó đã có, và một trạng thái của vạn vật sẽ *không thể phân biệt* với trạng thái khác.

§ 9

Thậm chí cần thiết rằng mỗi Đơn tử phải khác biệt với mỗi Đơn tử khác. Bởi vì trong tự nhiên không bao giờ có hai hữu thể hoàn toàn giống nhau và không thể tìm thấy một sự khác biệt nội tại hay dựa trên một đặc điểm bản chất.

§ 10

Tôi cũng cho rằng mọi hữu thể được tạo ra đều phải chịu sự thay đổi, và do đó Đơn tử được tạo ra cũng vậy, và thậm chí sự thay đổi này là liên tục trong mỗi Đơn tử.

§ 11

Từ những gì chúng ta vừa nói, có thể suy ra rằng những thay đổi tự nhiên của các Monad đến từ một *nguyên lý nội tại*, bởi vì không một nguyên nhân bên ngoài nào có thể tác động vào bên trong của nó (§ 396, § 900).

§ 12

Nhưng ngoài nguyên lý của sự thay đổi ra còn phải có một *chi tiết về cái gì thay đổi*, để tạo nên, có thể nói là, đặc tính và sự đa dạng của các bản thể đơn giản.

§ 13

Chi tiết này phải bao hàm một đa trong nhất hay trong cái đơn giản. Bởi vì mọi thay đổi tự nhiên diễn ra từng bước, có cái thay đổi và có cái tồn tại; và do đó trong bản thể đơn giản phải có một đa dạng các trạng thái và quan hệ, mặc dù không có các bộ phận.

§ 14

Trạng thái tạm thời, bao hàm và biểu hiện cái đa trong cái nhất hay trong bản thể đơn giản, không gì khác hơn là cái được gọi là *Tri giác*, cần phân biệt với nhận thức hay ý thức, như sẽ thấy sau này. Và đây chính là điểm mà các nhà Cartesian đã sai lầm nghiêm trọng, khi họ coi những tri giác mà ta không nhận thức được là không có gì. Chính điều này đã khiến họ tin rằng chỉ có tinh thần mới là Đơn tử và không có linh hồn của Thú vật hay các Entéléchies khác; và họ đã cùng với đám đông nhằm lẫn giữa một cơn mê sảng kéo dài với cái chết thực sự, điều này còn khiến họ rơi vào định kiến kinh viện về những linh hồn hoàn toàn tách biệt, và thậm chí củng cố niềm tin về tính tử vong của linh hồn trong những tâm trí lệch lạc.

§ 15

Hoạt động của nguyên lý nội tại tạo nên sự thay đổi hay sự chuyển tiếp từ tri giác này sang tri giác khác có thể được gọi là *Dục vọng*: đúng là dục vọng không phải lúc nào cũng có thể đạt được hoàn toàn tri giác mà nó hướng tới, nhưng nó luôn đạt được một cái gì đó và đi đến những tri giác mới.

§ 16

Chúng ta tự mình trải nghiệm một đa trong bản thể đơn giản, khi chúng ta thấy rằng ý nghĩ nhỏ nhất mà ta nhận thức được đều bao hàm một sự đa dạng trong đối tượng. Do đó tất cả những ai công nhận rằng linh hồn là một bản thể đơn giản, phải công nhận tính đa này trong Đơn tử; và ông Bayle lẽ ra không nên thấy khó khăn trong điều này, như ông đã làm trong Từ điển của mình ở mục *Rorarius*.

§ 17

Mặt khác, người ta buộc phải thừa nhận rằng Tri giác và những gì phụ thuộc vào nó là *không thể giải thích bằng các lý do cơ học*, nghĩa là bằng hình dạng và chuyển động. Và nếu tưởng tượng có một cỗ máy mà cấu trúc của nó tạo ra tư duy, cảm giác, tri giác; ta có thể hình dung nó được phóng to với cùng tỷ lệ, đến mức ta có thể đi vào trong đó như vào một cối xay. Và giả định như vậy, khi khám xét bên trong, ta sẽ chỉ thấy các bộ phận đẩy nhau, và không bao giờ tìm thấy cái gì để giải thích một tri giác. Vì vậy chính trong bản thể đơn giản, chứ không phải trong phức thể hay trong cỗ máy mà ta phải tìm kiếm nó. Hơn nữa chỉ có thể tìm thấy điều đó trong bản thể đơn giản, tức là, các tri giác và những thay đổi của chúng. Chỉ trong đó mới có thể bao gồm tất cả các Hoạt động nội tại của các bản thể đơn giản (Préf. ***, 2 b⁵).

§ 18

Chúng ta có thể gọi tất cả các thực thể đơn giản hay các Monad được tạo ra là Entéléchies, bởi vì chúng có trong mình một sự hoàn thiện nhất định (*échousi to entelés*), có một sự tự túc (*autarkeia*) làm cho chúng trở thành nguồn gốc của những hoạt động nội tại của chúng và có thể nói là những cỗ máy tự động phi vật chất (§ 87).

§ 19

Nếu chúng ta muốn gọi Linh hồn là tất cả những gì có *tri giác và dục vọng* theo nghĩa tổng quát mà tôi vừa giải thích; thì tất cả các bản thể đơn giản hay Đơn tử được tạo ra đều có thể được gọi là Linh hồn; nhưng, vì cảm giác là một cái gì đó hơn là một tri giác đơn thuần, tôi đồng ý rằng tên gọi chung Đơn tử và entéléchies là đủ cho những bản thể đơn giản chỉ có điều đó; và chỉ gọi là *Linh hồn* những bản thể có tri giác rõ ràng hơn và đi kèm với ký ức.

§ 20

Bởi vì chúng ta tự trải nghiệm một trạng thái trong đó chúng ta không nhớ gì cả và không có nhận thức rõ ràng nào; như khi chúng ta ngất đi, hoặc khi chúng ta chìm vào giấc ngủ sâu không mộng mị. Trong trạng thái này, linh hồn không khác biệt đáng kể với một Đơn tử đơn thuần; nhưng vì trạng thái này không kéo dài, và linh hồn thoát ra khỏi nó, nên nó là một cái gì đó hơn thế (§ 64).

§ 21

Và điều đó không có nghĩa là bản thể đơn giản lúc đó không có bất kỳ tri giác nào. Điều này thậm chí không thể xảy ra vì những lý do đã nêu; vì nó không thể diệt vong, nó cũng không thể tồn tại mà không có một số cảm xúc nào đó, mà cảm xúc này chính là tri giác của nó:

nhưng khi có rất nhiều tri giác nhỏ mà không có gì nổi bật, ta trở nên choáng váng; như khi ta liên tục xoay theo cùng một hướng nhiều lần, dẫn đến chóng mặt có thể khiến ta ngất đi và không thể phân biệt được gì. Và cái chết có thể đem lại trạng thái này cho động vật trong một thời gian.

§ 22

Và vì mọi trạng thái hiện tại của một bản thể đơn giản tự nhiên là hệ quả của trạng thái trước đó của nó, đến mức hiện tại mang trong mình tương lai (§ 360);

§ 23

Do đó, vì khi tỉnh dậy từ trạng thái choáng váng, ta *nhận thức được* những tri giác của mình, hẳn là ta đã có những tri giác đó ngay trước đó, dù ta không nhận thức được chúng; bởi vì một tri giác chỉ có thể sinh ra một cách tự nhiên từ một tri giác khác, cũng như một chuyển động chỉ có thể sinh ra một cách tự nhiên từ một chuyển động khác (§ 401-403).

§ 24

Từ đó ta thấy rằng nếu chúng ta không có gì nổi bật và có thể nói là cao cấp, và có phẩm chất cao hơn trong các tri giác của mình, chúng ta sẽ luôn ở trong trạng thái choáng váng. Và đó là trạng thái của các Đơn tử trần trụi.

§ 25

Chúng ta cũng thấy rằng Tự nhiên đã ban cho động vật những tri giác nổi bật, thông qua việc cung cấp cho chúng các cơ quan thu thập nhiều tia sáng hoặc nhiều dao động của không khí, để làm cho chúng có hiệu quả hơn thông qua sự kết hợp. Có điều tương tự trong khứu giác, vị giác và xúc giác, và có lẽ trong nhiều giác quan khác mà chúng ta chưa biết. Và tôi sẽ giải thích ngay sau đây, làm thế nào những gì xảy ra trong linh hồn thể hiện những gì diễn ra trong các cơ quan.

§ 26

Ký ức cung cấp cho linh hồn một loại *liên tục tính* bất chước lý tính, nhưng phải được phân biệt với lý tính. Chúng ta thấy rằng động vật, khi có tri giác về điều gì đó tác động đến chúng và chúng đã từng có tri giác tương tự trước đó, sẽ mong đợi thông qua biểu tượng của ký ức về điều đã gắn liền với tri giác trước đó và được dẫn đến những cảm giác tương tự như

chúng đã có lúc đó. Ví dụ: khi người ta chỉ cây gậy cho chó, chúng nhớ lại nỗi đau mà nó đã gây ra và sủa và chạy trốn (Prélim.⁶, § 65).

§ 27

Và trí tưởng tượng mạnh mẽ tác động và kích thích chúng, đến từ quy mô hoặc số lượng của các tri giác trước đó. Bởi vì thường thì một ấn tượng mạnh mẽ có thể tạo ra ngay lập tức hiệu ứng của một *thói quen* lâu dài hoặc của nhiều tri giác vừa phải được lặp đi lặp lại.

§ 28

Con người hành động như thú vật, trong chừng mực mà chuỗi tri giác của họ chỉ được thực hiện theo nguyên tắc của ký ức; giống như các thầy thuốc thực nghiệm, chỉ có thực hành đơn thuần mà không có lý thuyết; và chúng ta chỉ là những người thực nghiệm trong ba phần tư hành động của mình. Ví dụ, khi ta mong đợi ngày mai sẽ có ánh sáng mặt trời, ta hành động như người thực nghiệm, bởi vì điều đó luôn xảy ra như vậy cho đến nay. Chỉ có nhà thiên văn học mới phán đoán điều đó bằng lý trí.

§ 29

Nhưng tri thức về các chân lý tất yếu và vĩnh cửu là điều phân biệt chúng ta với động vật đơn thuần và cho chúng ta *Lý tính* và khoa học; nâng chúng ta lên tới tri thức về bản thân và về Thượng đế. Và đó là điều được gọi trong chúng ta là Linh hồn có lý tính, hay *Tinh thần*.

§ 30

Cũng chính nhờ tri thức về các chân lý tất yếu và qua sự trừu tượng hóa của chúng mà chúng ta được nâng lên tới các hành vi phản tư, khiến chúng ta suy nghĩ về cái được gọi là cái tôi và xem xét rằng điều này hay điều kia ở trong chúng ta: và chính như vậy mà khi suy nghĩ về bản thân, chúng ta suy nghĩ về Tồn tại, về Bản thể, về cái đơn giản và cái phức hợp, về cái phi vật chất và về chính Thượng đế; bằng cách nhận thức rằng cái gì bị giới hạn trong chúng ta thì ở nơi Người là vô hạn. Và những hành vi phản tư này cung cấp các đối tượng chính cho lập luận của chúng ta (*Théod.*, Préf. *, 4, a⁷)

§ 31

Và điều này không có nghĩa là bản thể đơn giản lúc đó không có tri giác nào. Lập luận của chúng ta dựa trên *hai nguyên lý lớn*, đó là nguyên lý mâu thuẫn, theo đó chúng ta phán đoán là *sai* những gì chứa đựng mâu thuẫn, và đúng những gì đối lập hoặc mâu thuẫn với cái sai (§ 44, § 196).

§ 32

Và *nguyên lý lý do* đầy đủ, theo đó chúng ta xem xét rằng không một sự kiện nào có thể là đúng hay tồn tại, không một phát biểu nào có thể là thật, nếu không có một lý do đầy đủ giải thích tại sao nó lại như vậy chứ không phải khác đi. Mặc dù những lý do này thường không thể được chúng ta biết đến (§ 44, § 196).

§ 33

Cũng có hai loại *chân lý*, đó là chân lý của *Lý tính* và chân lý của *Sự kiện*. Chân lý của Lý tính là tất yếu và điều đối lập với nó là không thể, còn chân lý của Sự kiện là ngẫu nhiên và điều đối lập với nó là có thể. Khi một chân lý là tất yếu, ta có thể tìm ra lý do của nó bằng cách phân tích, phân giải nó thành những ý tưởng và chân lý đơn giản hơn, cho đến khi ta đạt đến những điều nguyên thủy (§ 170, 174, 189, § 280-282, § 367. Tóm tắt phản đối 3).

§ 34

Chính như vậy mà trong toán học, các *định lý lý thuyết* và các quy tắc thực hành được quy về các *Định nghĩa, Tiên đề và Yêu cầu* thông qua phân tích.

§ 35

Và cuối cùng có những *ý tưởng đơn giản* mà ta không thể đưa ra định nghĩa; cũng có những tiên đề và giả định, hay nói cách khác, những *nguyên lý nguyên thủy*, không thể được chứng minh và cũng không cần chứng minh; và đó là những *phát biểu đồng nhất*, mà điều đối lập với chúng chứa đựng một mâu thuẫn hiển nhiên (§ 36, 37, 44, 45, 49, 52, 121-122, 337, 340-344).

§ 36

Nhưng *lý do đầy đủ* cũng phải được tìm thấy trong các *chân lý ngẫu nhiên hay chân lý của sự kiện*, nghĩa là, trong chuỗi sự vật trải rộng khắp vũ trụ của các tạo vật; ở đó việc phân giải thành các lý do cụ thể có thể dẫn đến một chi tiết vô hạn, do sự đa dạng vô cùng của các

sự vật trong Tự nhiên và sự phân chia vô hạn của các vật thể. Có vô số hình dạng và chuyển động hiện tại và quá khứ tham gia vào nguyên nhân hiệu quả của việc tôi viết hiện tại; và có vô số khuynh hướng và xu hướng nhỏ của tâm hồn tôi, hiện tại và quá khứ, tham gia vào nguyên nhân mục đích.

§ 37

Và vì tất cả *chi tiết* này chỉ bao gồm các ngẫu nhiên trước đó hoặc chi tiết hơn, mỗi cái lại cần một phân tích tương tự để giải thích lý do, ta không tiến xa hơn được: và lý do đầy đủ hay cuối cùng phải nằm ngoài chuỗi hay *dãy* chi tiết của những điều ngẫu nhiên này, dù nó có thể vô hạn.

§ 38

Và chính như vậy mà lý do cuối cùng của vạn vật phải nằm trong một bản thể tất yếu, trong đó chi tiết của những thay đổi chỉ tồn tại một cách siêu việt, như trong nguồn gốc: và đó là điều mà chúng ta gọi là Thượng đế (§ 7).

§ 39

Bởi vì bản thể này là lý do đầy đủ của tất cả chi tiết đó, và chi tiết này cũng được liên kết với nhau; *chỉ có một Thượng đế, và Thượng đế này là đủ.*

§ 40

Ta cũng có thể phán đoán rằng bản thể tối cao này, vốn là duy nhất, phổ quát và tất yếu, không có gì bên ngoài nó độc lập với nó, và là hệ quả đơn giản của tồn tại khả hữu; phải không thể bị giới hạn và chứa đựng tất cả thực tại có thể có.

§ 41

Từ đó suy ra rằng Thượng đế là tuyệt đối hoàn hảo; *sự hoàn hảo* không gì khác hơn là độ lớn của thực tại tích cực được xét một cách chính xác, bằng cách gạt sang một bên những giới hạn hay ranh giới trong những sự vật có chúng. Và ở nơi không có ranh giới nào, nghĩa là, nơi Thượng đế, sự hoàn hảo là vô hạn tuyệt đối (§ 22, Lời nói đầu *, 4 a).

§ 42

Cũng từ đó suy ra rằng các tạo vật có sự hoàn hảo của mình từ ảnh hưởng của Thượng đế, nhưng chúng có những khiếm khuyết từ bản chất riêng của mình, không thể không có giới hạn. Bởi chính điều đó mà chúng khác biệt với Thượng đế. *Sự khiếm khuyết nguyên thủy* này của các tạo vật được nhận thấy trong *quán tính tự nhiên* của các vật thể (§ 20, 27-30, 153, 167, 377 và tiếp theo).

§ 43

Cũng đúng là ở nơi Thượng đế không chỉ là nguồn gốc của các hiện hữu, mà còn là nguồn gốc của các yếu tính, xét như thực tại, hay của cái gì có thực trong khả thể tính. Đó là vì trí tuệ của Thượng đế là vùng của các chân lý vĩnh cửu, hay của các ý niệm mà chúng phụ thuộc vào, và nếu không có Người thì sẽ không có gì thực trong các khả thể, và không chỉ không có gì hiện hữu, mà còn không có gì khả thể (§ 20).

§ 44

Bởi vì nếu có một thực tại trong các yếu tính hay khả thể, hoặc trong các chân lý vĩnh cửu, thì thực tại đó phải được nền tảng trong một cái gì đó hiện hữu và hiện thực; và do đó trong sự hiện hữu của Hữu thể tất yếu, trong đó yếu tính bao hàm sự hiện hữu, hay trong đó chỉ cần là khả thể để trở thành hiện thực (§ 184-189, 335).

§ 45

Như vậy chỉ Thượng đế (hay Hữu thể Tất yếu) mới có đặc quyền này là Người phải hiện hữu nếu Người là khả thể. Và vì không gì có thể ngăn cản khả thể của cái không chứa đựng giới hạn nào, phủ định nào, và do đó, không mâu thuẫn nào, chỉ riêng điều đó đã đủ để nhận biết sự hiện hữu của Thượng đế tiên nghiệm. Chúng ta cũng đã chứng minh điều đó qua tính thực tại của các chân lý vĩnh cửu. Nhưng chúng ta vừa chứng minh nó hậu nghiệm vì các hữu thể ngẫu nhiên hiện hữu, những hữu thể này không thể có lý do cuối cùng hay đầy đủ của mình ngoài hữu thể tất yếu, là hữu thể có lý do hiện hữu của mình trong chính mình.

§ 46

Tuy nhiên không nên tưởng tượng như một số người rằng các chân lý vĩnh cửu, vì phụ thuộc vào Thượng đế, là tùy tiện và phụ thuộc vào ý chí của Người, như Descartes dường như đã hiểu và sau đó là ông Poiret. Điều đó chỉ đúng với các chân lý ngẫu nhiên, có nguyên lý là sự *phù hợp* hay sự lựa chọn *tốt nhất*; trong khi các chân lý tất yếu chỉ phụ thuộc vào trí tuệ của Người, và là đối tượng nội tại của nó (§ 180-184, 185, 335, 351, 380).

§ 47

Như vậy chỉ Thượng đế là đơn vị nguyên thủy, hay bản thể đơn giản nguyên sơ, mà từ đó tất cả các Đơn tử được tạo ra hay dẫn xuất là những sản phẩm và sinh ra, có thể nói, bởi những Tia sáng liên tục của Thần tính từng khoảnh khắc, bị giới hạn bởi khả năng tiếp nhận của tạo vật, mà việc bị giới hạn là điều thiết yếu đối với nó (§ 382-391, 398, 395).

§ 48

Trong Thượng đế có *Quyền năng*, là nguồn gốc của tất cả, rồi *Tri thức* chứa đựng chi tiết của các ý niệm, và cuối cùng là *Ý chí*, tạo ra những thay đổi hay sản phẩm theo nguyên lý của cái tốt nhất (§ 7,149-150). Và đó là điều tương ứng với cái mà, trong các đơn tử được tạo ra, tạo thành chủ thể hay nền tảng, năng lực tri giác và năng lực ham muốn. Nhưng trong Thượng đế những thuộc tính này là tuyệt đối vô hạn hay hoàn hảo; và trong các Đơn tử được tạo ra hay trong các entéléchies (hay perfectihabies, như Hermolaüs Barbarus đã dịch từ này) đó chỉ là những bắt chước, theo mức độ hoàn hảo của chúng (§ 87).

§ 49

Tạo vật được gọi là *tác động* ra bên ngoài trong chừng mực nó có sự hoàn hảo, và *thụ động* từ một tạo vật khác, trong chừng mực nó không hoàn hảo. Như vậy người ta gán *hành động* cho Đơn tử, trong chừng mực nó có những tri giác rõ ràng, và *thụ động* trong chừng mực nó có những tri giác mơ hồ (§ 32, 66, 386).

§ 50

Và một tạo vật hoàn hảo hơn tạo vật khác, ở chỗ trong nó người ta tìm thấy cái gì đó giúp giải thích tiên nghiệm về điều xảy ra trong tạo vật kia, và chính vì thế mà người ta nói nó tác động lên tạo vật kia.

§ 51

Nhưng trong các bản thể đơn giản đó chỉ là một ảnh hưởng lý tưởng của một đơn tử lên đơn tử khác, mà chỉ có thể có hiệu lực thông qua sự can thiệp của Thượng đế, trong chừng mực trong các ý niệm của Thượng đế một đơn tử đòi hỏi một cách hợp lý rằng, Thượng đế khi điều chỉnh các đơn tử khác ngay từ đầu vạn vật, đã quan tâm đến nó. Bởi vì một Đơn tử được tạo ra không thể có ảnh hưởng vật lý lên bên trong của đơn tử khác, chỉ bằng phương tiện này mà đơn tử này có thể phụ thuộc vào đơn tử kia (§ 9, 54, 65-66, 201. Tóm tắt phần đối 3).

§ 52

Và chính nhờ đó mà giữa các tạo vật các hành động và thụ động là hỗ tương. Bởi Thượng đế khi so sánh hai bản thể đơn giản, tìm thấy trong mỗi bản thể những lý do buộc Người phải điều chỉnh bản thể này cho phù hợp với bản thể kia; và do đó cái gì *chủ động* ở một số khía cạnh thì *thụ động* theo một góc nhìn khác: *chủ động* trong chừng mực cái được biết rõ ràng trong nó dùng để giải thích cái xảy ra trong cái khác; và *thụ động* trong chừng mực lý do của cái xảy ra trong nó được tìm thấy trong cái được biết rõ ràng trong cái khác (§ 66).

§ 53

Vậy, vì có vô số vũ trụ khả thể trong các Ý niệm của Thượng đế và chỉ có thể tồn tại một vũ trụ, phải có một lý do đầy đủ cho sự lựa chọn của Thượng đế, quyết định Người chọn vũ trụ này thay vì vũ trụ khác (§ 8, 10, 44, 173, 196 và tiếp theo, 225, 414-416).

§ 54

Và lý do này chỉ có thể được tìm thấy trong sự *phù hợp*, hay trong các mức độ hoàn hảo, mà các thế giới này chứa đựng; mỗi khả thể có quyền đòi hỏi hiện hữu theo mức độ hoàn hảo mà nó bao hàm (§ 74, 167, 350, 201, 130, 352, 345 và tiếp theo, 354).

§ 55

Và đó là nguyên nhân của sự tồn tại của cái tốt nhất, mà sự khôn ngoan làm cho Thượng đế nhận biết, lòng nhân từ của Người khiến Người lựa chọn, và quyền năng của Người làm cho nó được tạo ra (§ 8,7, 80, 84, 119, 204, 206, 208. Tóm tắt phản đối 1, phản đối 8).

§ 56

Vậy *mối liên kết* hay sự phù hợp này của tất cả các vật được tạo ra với mỗi vật và của mỗi vật với tất cả các vật khác, làm cho mỗi bản thể đơn giản có những quan hệ biểu đạt tất cả các bản thể khác, và do đó là một tấm gương sống vĩnh cửu của vũ trụ (§ 130,360).

§ 57

Và, như cùng một thành phố nhìn từ các góc độ khác nhau có vẻ hoàn toàn khác, và như được nhân lên theo phối cảnh; tương tự như vậy, do vô số bản thể đơn giản, có như thể vô

số vũ trụ khác nhau, nhưng chúng chỉ là những góc nhìn của một vũ trụ duy nhất theo các điểm nhìn khác nhau của mỗi Đơn tử.

§ 58

Và đó là phương tiện để đạt được nhiều đa dạng nhất có thể, nhưng với trật tự lớn nhất có thể, nghĩa là, đó là phương tiện để đạt được nhiều hoàn hảo nhất có thể (§ 120, 124, 241 và tiếp theo, 214, 243, 275).

§ 59

Cũng chỉ có giả thuyết này (mà tôi dám nói là đã được chứng minh) mới nâng cao đúng mức sự vĩ đại của Thượng đế: đó là điều mà ông Bayle đã nhận ra, khi trong Từ điển của ông (mục *Rorarius*) ông đưa ra những phản đối, thậm chí ông còn bị cám dỗ tin rằng tôi đã gán cho Thượng đế quá nhiều, và nhiều hơn điều có thể. Nhưng ông không thể đưa ra lý do nào để chứng minh tại sao sự hài hòa phổ quát này, khiến mọi bản thể biểu đạt chính xác tất cả các bản thể khác qua những quan hệ mà nó có với chúng, lại là không thể.

§ 60

Hơn nữa, qua những điều tôi vừa trình bày, ta thấy được những lý do tiên nghiệm vì sao sự vật không thể diễn ra khác đi. Bởi vì Thượng đế khi sắp đặt tổng thể đã quan tâm đến từng phần riêng lẻ, đặc biệt là đến từng monad, mà bản chất của nó là đại diện, không gì có thể giới hạn nó chỉ đại diện cho một phần của sự vật; mặc dù đúng là sự đại diện này chỉ mơ hồ trong chi tiết của toàn bộ vũ trụ, và chỉ có thể rõ ràng trong một phần nhỏ của sự vật, tức là trong những thứ gần gũi nhất hoặc lớn nhất đối với mỗi Monad; nếu không thì mỗi monad sẽ là một Thần tính. Không phải trong đối tượng, mà chính trong sự biến đổi của nhận thức về đối tượng mà các monad bị giới hạn. Tất cả đều tiến đến vô cùng, đến tổng thể một cách mơ hồ; nhưng chúng bị giới hạn và phân biệt bởi các mức độ tri giác rõ ràng.

§ 61

Và các hợp thể tương đồng với các đơn thể trong điều này. Bởi vì, do mọi thứ đều đầy đặc, khiến cho mọi vật chất đều liên kết với nhau, và do trong không gian đầy đặc mọi chuyển động đều tác động lên các vật thể ở xa, tùy theo khoảng cách, khiến mỗi vật thể không chỉ bị ảnh hưởng bởi những vật tiếp xúc với nó, và cảm nhận theo cách nào đó mọi điều xảy ra với chúng, mà còn thông qua chúng cảm nhận được những vật tiếp xúc với những vật đầu tiên đã tiếp xúc trực tiếp với nó: từ đó suy ra rằng, sự giao tiếp này diễn ra ở bất kỳ khoảng cách nào. Và do đó mỗi vật thể đều cảm nhận được mọi điều xảy ra trong vũ trụ; đến mức

người nhìn thấy tất cả có thể đọc được trong mỗi vật điều đang xảy ra ở khắp nơi và thậm chí cả những gì đã xảy ra hay sẽ xảy ra; bằng cách nhận ra trong hiện tại những gì xa xôi, cả về thời gian lẫn không gian: *sumpnoia panta*, như Hippocrates đã nói. Nhưng một Linh hồn chỉ có thể đọc được trong chính nó những gì được thể hiện rõ ràng, nó không thể một lúc khai mở hết mọi nếp gấp của mình, vì chúng kéo dài đến vô tận.

§ 62

Như vậy mặc dù mỗi monad được tạo ra đều biểu thị toàn bộ vũ trụ, nó biểu thị rõ ràng hơn cái thân thể được gắn kết đặc biệt với nó và là entelechy của nó: và vì thân thể này biểu thị toàn bộ vũ trụ thông qua sự kết nối của mọi vật chất trong không gian đầy, linh hồn cũng biểu thị toàn bộ vũ trụ bằng cách biểu thị thân thể này, thứ thuộc về nó theo một cách đặc biệt (§ 400).

§ 63

Thân thể thuộc về một Monad, là entelechy hay Linh hồn của nó, cùng với entelechy tạo thành cái được gọi là một *sinh vật*, và cùng với linh hồn tạo thành cái được gọi là một *động vật*. Thân thể của một sinh vật hay động vật luôn luôn là hữu cơ; bởi vì mọi Monad đều là tấm gương phản chiếu vũ trụ theo cách riêng của nó, và vũ trụ được sắp xếp trong một trật tự hoàn hảo, nên cũng phải có một trật tự trong cái biểu thị, nghĩa là trong những tri giác của linh hồn, và do đó trong thân thể, theo đó vũ trụ được biểu thị trong đó (§ 403).

§ 64

Như vậy mỗi thân thể hữu cơ của một sinh vật là một loại cỗ máy thiêng liêng, hay một cỗ máy tự nhiên, vượt trội vô hạn so với mọi cỗ máy nhân tạo. Bởi vì một cỗ máy do con người tạo ra không phải là máy trong từng bộ phận của nó. Ví dụ: răng của một bánh xe đồng có những bộ phận hay mảnh vỡ không còn là gì đó nhân tạo đối với chúng ta và không còn gì thể hiện tính chất của máy móc liên quan đến mục đích mà bánh xe được tạo ra. Nhưng những cỗ máy của tự nhiên, tức là những cơ thể sống, vẫn là máy móc trong những bộ phận nhỏ nhất của chúng, cho đến vô tận. Đó là điều tạo nên sự khác biệt giữa Tự nhiên và nghệ thuật, tức là giữa nghệ thuật Thiêng liêng và nghệ thuật của chúng ta (§ 134, 146, 194, 483).

§ 65

Và tác giả của tự nhiên đã có thể thực hiện kỹ xảo thiêng liêng và kỳ diệu vô hạn này, bởi vì mỗi phần của vật chất không chỉ có thể chia đến vô tận như người xưa đã nhận ra, mà còn thực sự được phân chia không ngừng, mỗi phần thành nhiều phần, mỗi phần đều có

chuyển động riêng, nếu không thì không thể nào mỗi phần của vật chất có thể thể hiện toàn bộ vũ trụ (Prélim. [Disc. d. I. conform.], § 70. *Théod.*, §195).

§ 66

Qua đó ta thấy rằng có một thế giới của tạo vật, của sinh thể, của động vật, của entelechy, của linh hồn trong phần nhỏ nhất của vật chất.

§ 67

Mỗi phần của vật chất có thể được xem như một khu vườn đầy cây cối, và như một ao đầy cá. Nhưng mỗi nhánh của cây, mỗi chi của động vật, mỗi giọt dịch của nó cũng là một khu vườn như thế, hay một cái ao như thế.

§ 68

Và mặc dù đất và không khí giữa các cây trong vườn, hay nước giữa các con cá trong ao, không phải là cây hay cá; chúng vẫn chứa đựng những thứ đó, nhưng thường ở mức độ tinh vi đến mức ta không thể nhận thấy.

§ 69

Vì vậy không có gì hoang vu, cần cỗi, chết chóc trong vũ trụ, không có hỗn mang, không có sự hỗn loạn ngoài vẻ bề ngoài; gần giống như khi nhìn một cái ao từ xa, ta chỉ thấy một chuyển động hỗn độn và sự nhúc nhích, có thể nói vậy, của cá trong ao, mà không phân biệt được từng con cá.

§ 70

Qua đó ta thấy rằng mỗi cơ thể sống đều có một entelechy thống trị là linh hồn trong động vật; nhưng các bộ phận của cơ thể sống này đầy những sinh thể khác, thực vật, động vật, mỗi cái đều có entelechy hay linh hồn thống trị riêng của nó.

§ 71

Nhưng không nên tưởng tượng như một số người đã hiểu sai ý tôi, rằng mỗi linh hồn có một khối hay phần vật chất riêng hay gắn với nó mãi mãi, và do đó nó sở hữu những sinh

thể thấp hơn khác, luôn được định sẵn để phục vụ nó. Bởi vì mọi vật thể đều trong dòng chảy liên tục như sông ngòi; và các phần liên tục đi vào và ra khỏi chúng.

§ 72

Vì vậy linh hồn chỉ thay đổi cơ thể từ từ và theo từng bậc, để không bao giờ bị tước bỏ tất cả các cơ quan của nó cùng một lúc; và thường có biến thái ở động vật, nhưng không bao giờ có luân hồi hay sự di chuyển của Linh hồn: cũng không có Linh hồn hoàn toàn tách rời, hay thần linh không có thể xác. Chỉ có Thượng đế là hoàn toàn tách biệt.

§ 73

Đây cũng là lý do tại sao không bao giờ có sinh thành hoàn toàn, hay cái chết hoàn hảo theo nghĩa nghiêm ngặt, tức là sự tách rời của linh hồn. Và điều chúng ta gọi là *Sinh thành* là sự phát triển và tăng trưởng; như điều chúng ta gọi là *cái chết*, là sự thu nhỏ và giảm thiểu.

§ 74

Các triết gia đã rất lúng túng về nguồn gốc của hình thức, entelechy, hay Linh hồn; nhưng ngày nay, khi người ta nhận ra, qua những nghiên cứu chính xác về thực vật, côn trùng và động vật, rằng các cơ thể hữu cơ trong tự nhiên không bao giờ được tạo ra từ hỗn mang hay sự phân hủy; mà luôn từ hạt giống, trong đó chắc chắn đã có sẵn một *tiền định hình*; người ta đã kết luận rằng, không chỉ cơ thể hữu cơ đã có sẵn trước khi thụ thai, mà còn có một linh hồn trong cơ thể đó, và tóm lại, chính động vật đó; và thông qua sự thụ thai, động vật này chỉ được chuẩn bị cho một sự biến đổi lớn để trở thành một động vật thuộc loài khác.

§ 75

Những *động vật*, mà một số được nâng lên cấp độ của những động vật lớn hơn thông qua sự thụ thai, có thể được gọi là *trùng*; nhưng những con vẫn giữ nguyên loài của chúng, tức là đa số, được sinh ra, sinh sôi và bị hủy diệt như những động vật lớn, và chỉ có một số ít được chọn để bước lên một sân khấu lớn hơn.

§ 76

Nhưng đó mới chỉ là một nửa sự thật: tôi đã kết luận rằng nếu động vật không bao giờ bắt đầu một cách tự nhiên, nó cũng không kết thúc một cách tự nhiên; và không chỉ không có sự sinh thành, mà cũng không có sự hủy diệt hoàn toàn, hay cái chết theo nghĩa nghiêm

ngặt. Và những lập luận hậu nghiệm này được rút ra từ kinh nghiệm hoàn toàn phù hợp với các nguyên lý của tôi được suy ra tiên nghiệm như đã nêu trên.

§ 77

Vì vậy có thể nói rằng không chỉ linh hồn (tấm gương của một vũ trụ bất hoại) là bất hoại, mà cả động vật cũng vậy, mặc dù cỗ máy của nó thường bị hủy hoại một phần, và vứt bỏ hay nhận lấy những lớp vỏ hữu cơ.

§ 78

Những nguyên lý này đã cho tôi phương tiện để giải thích một cách tự nhiên về sự kết hợp hay sự tương hợp giữa linh hồn và cơ thể hữu cơ. Linh hồn tuân theo các quy luật riêng của nó và cơ thể cũng vậy; và chúng gặp nhau nhờ vào sự hài hòa tiền định giữa mọi bản thể, bởi vì tất cả đều là những biểu hiện của cùng một vũ trụ.

§ 79

Các linh hồn hoạt động theo quy luật của nguyên nhân mục đích thông qua những khát vọng, mục tiêu và phương tiện. Các vật thể hoạt động theo quy luật của nguyên nhân tác động hay chuyển động. Và hai vương quốc này, vương quốc của nguyên nhân tác động và vương quốc của nguyên nhân mục đích, hài hòa với nhau.

§ 80

Descartes đã nhận ra rằng linh hồn không thể tạo ra lực cho vật thể, bởi vì trong vật chất luôn có cùng một lượng lực. Tuy nhiên, ông tin rằng linh hồn có thể thay đổi hướng của vật thể. Nhưng đó là vì vào thời của ông, người ta chưa biết đến quy luật tự nhiên, vốn còn bảo toàn cùng một hướng tổng thể trong vật chất. Nếu ông nhận ra điều này, ông đã đi đến Hệ thống hài hòa tiền định của tôi.

§ 81

Hệ thống này khiến các vật thể hoạt động như thể (một điều không thể) không có linh hồn; và các Linh hồn hoạt động như thể không có vật thể; và cả hai đều hoạt động như thể cái này ảnh hưởng đến cái kia.

§ 82

Về các Tinh thần hay Linh hồn có lý tính, mặc dù tôi thấy rằng về cơ bản có cùng một điều trong tất cả sinh vật và động vật, như chúng ta vừa nói (tức là động vật và linh hồn chỉ bắt đầu cùng với thế giới, và cũng không kết thúc như thế giới), nhưng có điều đặc biệt này ở các Động vật có lý tính: các Động vật tinh trùng nhỏ bé của chúng, khi chỉ là như vậy, chỉ có những linh hồn thông thường hay cảm giác; nhưng khi những con được chọn, có thể nói như vậy, đạt đến bản chất con người thông qua sự thụ thai thực sự, linh hồn cảm giác của chúng được nâng lên mức độ của lý tính và đặc quyền của các Tinh thần.

§ 83

Trong số những khác biệt giữa các Linh hồn thông thường và các Tinh thần, mà tôi đã chỉ ra một phần, còn có điều này: các linh hồn nói chung là những tấm gương sống hay hình ảnh của vũ trụ các tạo vật; nhưng các tinh thần còn là hình ảnh của chính Thần tính, hay chính tác giả của tự nhiên: có khả năng nhận biết hệ thống vũ trụ và bắt chước nó qua các mẫu kiến trúc; mỗi tinh thần như một vị thần nhỏ trong phạm vi của mình.

§ 84

Đó là điều khiến các Tinh thần có khả năng tham gia vào một dạng Xã hội với Thượng đế, và đối với họ, Ngài không chỉ là người sáng chế đối với Cơ máy của mình (như Thượng đế đối với các tạo vật khác) mà còn là một Quân vương đối với thần dân, và thậm chí là một người cha đối với con cái.

§ 85

Từ đó có thể dễ dàng kết luận rằng, tập hợp của tất cả các Tinh thần phải tạo thành Thành phố của Thượng đế, tức là Nhà nước hoàn hảo nhất có thể dưới vị Quân vương hoàn hảo nhất.

§ 86

Thành phố của Thượng đế này, Vương quốc thực sự phổ quát này là một Thế giới Đạo đức trong Thế giới Tự nhiên, và là điều cao cả và thiêng liêng nhất trong các tác phẩm của Thượng đế: và chính trong đó thực sự tồn tại vinh quang của Thượng đế, bởi vì sẽ không có vinh quang nếu sự vĩ đại và lòng nhân từ của Ngài không được các tinh thần nhận biết và ngưỡng mộ, chính liên quan đến Thành phố thiêng liêng này mà Ngài thực sự có Lòng nhân từ, trong khi sự khôn ngoan và quyền năng của Ngài thể hiện ở khắp nơi.

§ 87

Như chúng ta đã thiết lập ở trên một Sự hài hòa hoàn hảo giữa hai Vương quốc tự nhiên, một bên là nguyên nhân Hiệu quả, bên kia là nguyên nhân Mục đích, chúng ta cần lưu ý ở đây một sự hài hòa khác giữa vương quốc Vật lý của Tự nhiên và vương quốc Đạo đức của Ân sủng, nghĩa là, giữa Thượng đế với tư cách là Kiến trúc sư của Cỗ máy vũ trụ, và Thượng đế với tư cách là Đấng Quân vương của Thành phố thiêng liêng của các Linh hồn (§ 62, 74, 118, 248, 112, 130, 247).

§ 88

Sự Hài hòa này khiến vạn vật dẫn đến Ân sủng thông qua chính những con đường của Tự nhiên, và ví dụ như trái đất này phải bị hủy diệt và được phục hồi bằng những phương cách tự nhiên vào những thời điểm mà sự cai quản các Linh hồn đòi hỏi; để trừng phạt một số người và tưởng thưởng những người khác (§ 18 sqq., 110, 244-245, 340).

§ 89

Có thể nói thêm rằng, Thượng đế với tư cách Kiến trúc sư làm thỏa mãn hoàn toàn Thượng đế với tư cách nhà lập pháp; và do đó tội lỗi phải mang theo hình phạt của chúng theo trật tự tự nhiên và theo chính cấu trúc cơ học của sự vật; và tương tự, những hành động tốt đẹp sẽ thu hút phần thưởng của chúng qua những con đường máy móc liên quan đến vật thể; mặc dù điều này không thể và không nên xảy ra ngay lập tức.

§ 90

Cuối cùng, dưới sự cai quản hoàn hảo này sẽ không có Hành động tốt nào không được thưởng, không có hành động xấu nào không bị phạt: và mọi thứ phải dẫn đến điều tốt cho những người tốt; nghĩa là những người không bất mãn trong Nhà nước vĩ đại này, những người tin tưởng vào Thiên ý, sau khi đã làm tròn bổn phận của mình, và những người yêu mến và noi gương, như phải thế, Đấng Tạo hóa của mọi điều tốt lành, tìm thấy niềm vui trong việc chiêm ngưỡng những sự hoàn hảo của Ngài theo bản chất của *tình yêu thuần khiết* đích thực, khiến ta vui mừng trước hạnh phúc của điều ta yêu thương. Đó là điều khiến những người khôn ngoan và đức hạnh làm việc vì mọi điều có vẻ phù hợp với ý chí giả định hay tiên nghiệm của Thượng đế; và tuy nhiên vẫn hài lòng với những gì Thượng đế thực sự làm xảy ra thông qua ý chí bí ẩn, hậu nghiệm và quyết định của Ngài; bằng cách nhận ra rằng, nếu chúng ta có thể hiểu đủ về trật tự của vũ trụ, chúng ta sẽ thấy rằng nó vượt qua mọi ước muốn của những người khôn ngoan nhất, và không thể làm cho nó tốt hơn hiện tại; không chỉ cho tổng thể nói chung, mà còn cho chính chúng ta nói riêng, nếu chúng ta gắn bó, như phải thế với Đấng Tạo hóa của tất cả, không chỉ như Kiến trúc sư và

nguyên nhân tác động của sự tồn tại của chúng ta, mà còn như Chủ nhân và nguyên nhân mục đích của chúng ta, Đấng phải là mục tiêu của ý chí chúng ta, và chỉ có thể tạo nên hạnh phúc của chúng ta (Préf. *, 4 a b¹⁴. § 278. Préf. *, 4 b¹⁵).

HẾT

¹⁴ Xuất bản Erdm., tr. 469.

¹⁵ Xuất bản Erdm., tr. 469 b.



Triết Học Vũ Trụ

Chia sẻ những hiểu biết và bình luận của bạn với chúng tôi tại
info@cosphi.org.

In xuất ngày 24 tháng 12, 2024

CosmicPhilosophy.org
Khám Phá Vũ Trụ Thông Qua Triết Học

© 2024 Philosophical.Ventures Inc.